

Số: 129/2026/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 08 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 634, Điều 643, Điều 649, khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 653, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 1 Luật trẻ em;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 78/2026/TLST- DS ngày 23-6-2026 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị T**; sinh ngày 17-02-1968; căn cước công dân số: 035168009755; nơi đăng ký thường trú: **Số D đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số D đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị S**, sinh ngày 05-6-1981; căn cước công dân số: 035181001277; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số A khu tập thể D tầng, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Đặng Thùy T1**, sinh ngày 06-3-1999; căn cước công dân số: 036199000377; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Đặng Thùy T1**: Bà **Lê Thị S**, sinh ngày 05-6-1981; căn cước công dân số: 035181001277; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số A khu tập thể D tầng, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình** (theo văn bản ủy quyền ngày 19-8-2026).

2. Cháu **Đặng Thái S1**, sinh ngày 07-7-2011; căn cước công dân số: 035211010212; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số A khu tập thể D tầng, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

Người đại diện theo pháp luật của cháu **Đặng Thái S1**: Bà **Lê Thị S**, sinh ngày 05-6-1981; căn cước công dân số: 035181001277; nơi đăng ký thường trú: **Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số A khu tập thể D tầng, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về thời điểm mở thừa kế: Ông **Đặng Văn C** chết ngày 08-01-2025, thời điểm mở thừa kế của ông **Đặng Văn C** là ngày 08-01-2025.

2. Về địa điểm mở thừa kế: Trước khi chết, ông **Đặng Văn C** có nơi cư trú tại: **Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình)**; nên địa điểm mở thừa kế được xác định tại **số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

3. Về di sản thừa kế: Xác nhận thừa đất số 156, tờ bản đồ số 6, diện tích 16,2m² tại địa chỉ: **Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình)** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 021932 ngày 30-9-2022 mang tên ông **Đặng Văn C**, trị giá: 830.431.000 đồng là di sản thừa kế của ông **Đặng Văn C**.

4. Về di chúc của cụ **Trần Thị B**: Công nhận bản di chúc lập ngày 10-4-2026 của cụ **Trần Thị B** là hợp pháp.

5. Về người thừa kế: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Đặng Văn C** bao gồm: Cụ **Trần Thị B**, bà **Lê Thị S**, chị **Đặng Thùy T1**, cháu **Đặng Thái S1**.

6. Chia di sản thừa kế của ông **Đặng Văn C** bằng tiền: Di sản thừa kế của ông **Đặng Văn C** có trị giá: 830.431.000 đồng, chia làm 04 kỷ phần. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: $830.431.000 \text{ đồng} : 4 = 207.608.000 \text{ đồng}$ (hai trăm linh bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng) (đã làm tròn). Bà **Trần Thị T** được hưởng phần di sản mà cụ **Trần Thị B** được hưởng của ông **Đặng Văn C**. Như vậy bà **Lê Thị S**, cháu **Đặng Thùy T1**, cháu **Đặng Thái S1** và bà **Trần Thị T** mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 207.608.000 đồng (hai trăm linh bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng).

7. Chia di sản thừa kế của ông **Đặng Văn C** bằng hiện vật: Chia cho bà **Lê Thị S**, chị **Đặng Thùy T1**, cháu **Đặng Thái S1** được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 156, tờ bản đồ số 6, diện tích 16,2m² tại địa chỉ: **Số A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình)** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 021932 ngày 30-9-2022 mang tên ông **Đặng Văn C**. Bà **Lê Thị S**, chị **Đặng Thùy T1**, cháu **Đặng Thái S1** được quyền sở hữu ngang nhau đối với tài sản trên.

8. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị di sản: Buộc bà **Lê Thị S**, chị **Đặng Thùy T1** và cháu **Đặng Thái S1** có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà **Trần Thị T** số tiền tương ứng giá trị 01/04 di sản của ông **Đặng Văn C** mà bà **Trần Thị T** được hưởng theo di chúc lập ngày 10-4-2026 của cụ **Trần Thị B** là 207.608.000 đồng (hai trăm linh bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng). Mỗi người phải thanh toán cho bà **Trần Thị T** số tiền 69.203.000 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm linh ba nghìn đồng) (đã làm tròn).

Đối với phần nghĩa vụ trả chênh lệch của cháu **Đặng Thái S1**: Cháu **Đặng Thái S1** là người chưa thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị S** thanh toán thay cho cháu **Đặng Thái S1** số tiền 69.203.000 đồng (hai trăm linh bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn). Như vậy bà **Lê Thị S** phải thanh toán cho bà **Trần Thị T** số tiền 138.405.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng);

Bà **Trần Thị T** đã được nhận thanh toán toàn bộ số tiền 207.608.000 đồng (hai trăm linh bảy triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng) vào ngày 30-8-2026.

9. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà **Trần Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

10. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, kê khai, chỉnh lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất và quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất được chia theo quyết định của Tòa án.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự cho cháu **Đặng Thái S1**.

Bà **Trần Thị T** phải nộp số tiền 5.190.000 (năm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) (đã làm tròn). Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0002197 ngày 23-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà **Trần Thị T** còn phải nộp số tiền: 2.065.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bà **Lê Thị S** phải nộp số tiền 5.190.000 (năm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) (đã làm tròn).

Chị **Đặng Thùy T1** phải nộp số tiền 5.190.000 (năm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) (đã làm tròn).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Nhung

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 6, diện tích 16,2m² tại địa chỉ: Số 01 đường
Nguyễn Hồng, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Kèm theo quyết định số 129/2026/DS-ST ngày 08-9-2026 của TAND khu vực 7
- Ninh Bình

Chiều dài cạnh thửa	
Đoạn	Chiều dài (mét)
1-2	4,07
2-3	3,93
3-4	4,23
4-1	3,85
Ghi chú: —— Ranh giới theo quyết định của Toà án. - Mũi tên và chữ B chỉ hướng Bắc. - Diện tích 16,2m² đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4 về 1 được chia cho bà Lê Thị Soan, chị Đặng Thùy Trang và cháu Đặng Thái Sơn.	

THẨM PHÁN

Bùi Thị Nhung

